

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U
TỈNH C**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2025/DS-ST
Ngày 22-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Huy Quang.

Bà Trịnh Ngọc Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Gia Mẫn, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 319/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N2 (A) (gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí D, Giám đốc Ngân hàng N2 chi nhánh huyện U.

Ông D ủy quyền bà Nguyễn Tuyết N - Phó giám đốc A chi nhánh huyện U.

Địa chỉ: Khóm C, thị trấn U, huyện U, tỉnh C.

(Theo giấy ủy quyền số 115/UQTT-NHNoUM ngày 09 tháng 12 năm 2024).

- Bị đơn: 1. Bà Dư Thị N1, sinh năm: 1973.

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1969.

Cùng địa chỉ: Ấp F, xã K, huyện U, tỉnh C.

(Ông Đ, bà N1 vắng mặt, bà N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 22/10/2024, nguyên đơn Ngân hàng N2 trình bày:

Ngày 15 tháng 4 năm 2014 bà Dư Thị N1 ký kết với Ngân hàng N2 - Chi nhánh huyện U (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng số 7503LAV201401706 để vay vốn mục đích để nuôi cá. Tổng số tiền cho vay theo hợp đồng là 36.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng kể ngày 15/4/2014 đến ngày 14/4/2015, lãi suất trong hạn 7,9%/năm, lãi suất quá hạn là 11,955%/năm. Biện pháp bảo đảm vay là ngày 15/4/2014 giao cho Ngân hàng N2 - chi nhánh huyện U 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành T331666, thửa đất số 186, tờ bản đồ số 12, tổng diện tích 4.000 m² để làm đảm bảo nợ vay.

Tính đến ngày 22/10/2024 dư nợ của bà Dư Thị N1 là 79.049.955 đồng, trong đó gốc là 36.000.000 đồng, lãi tạm tính là 43.049.955 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc trực tiếp với ông Đ và bà N1 yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ và bà N1 cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A - Chi nhánh huyện U Minh Cà M, làm khó khăn cho A trong quá trình thu hồi vốn nhà nước.

Vì vậy, A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện U giải quyết những vấn đề sau: Buộc bà Dư Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ trả nợ cho A là 79.049.955 đồng, trong đó dư nợ gốc là: 36.000.000 đồng, nợ lãi tạm tính đến ngày 22/10/2024 (do nợ lãi vẫn tiếp tục phát sinh) là: 43.049.955 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến ngày tất toán nợ vay; Buộc bà Dư Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên do A và bà Dư Thị N1 đã ký kết, kể từ ngày tiếp theo của ngày tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày thực tế bà Dư Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ trả hết nợ gốc cho A - chi nhánh huyện U. Trường hợp bà N1 và ông Đường K thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ vay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xử lý tài sản đảm bảo đã nêu để thu hồi nợ theo quy định. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ để trả nợ thì ông Đ, bà N1 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ hoặc bổ sung tài sản để trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà N1, ông Đ để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Tại Đơn xin vắng mặt ngày 21/4/2025, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng, bà Nguyễn Tuyết N trình bày: Ngân hàng yêu cầu bà N1 và ông Đ trả tiền nợ còn thiếu Ngân hàng thể hiện tại bảng kê tính gốc lãi chưa thu ngày 21/4/2025, tính đến ngày 22/4/2025 số tiền gốc bà N1 còn nợ là 36.000.000 đồng, tiền lãi đến ngày 22/4/2025 tổng cộng là 45.225.700 đồng, tổng số tiền còn nợ gốc và lãi là 81.225.700 đồng và yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Các bị đơn không có văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ, bà N1 và đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng.

[2] Về nội dung: Xét thấy, việc Ngân hàng với bà N1 có ký kết hợp đồng vay với nhau là có thật, thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 7503LAV201401706 ngày 15/4/2014. Ngân hàng N2 chi nhánh huyện U đã giải ngân các khoản vay cho bà N1 vào ngày 15/4/2014. Quá trình vay bà N1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng đã có thông báo đòi nợ đối với bà N1 và tại biên bản xử lý nợ bà N1 có hứa hẹn trả nợ vào ngày 16/8/2020 nhưng không thực hiện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Đ (chồng bà N1) và bà N1 nhưng ông, bà không có ý kiến phản đối. Xét thấy, hợp đồng vay mục đích sử dụng gia đình, ông Đ có giấy ủy quyền cho bà N1 trong giao dịch với Ngân hàng, bà N1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi, vì vậy, Ngân hàng nông nghiệp yêu cầu cả vợ chồng ông Đ và bà N1 phải trả thanh toán nợ gốc và lãi cho Ngân hàng là có cơ sở.

Từ đó, buộc bà Dư Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng N2 chi nhánh huyện U tổng số nợ gốc và lãi tính đến ngày 22/4/2025 là 81.225.700 đồng (trong đó nợ gốc là 36.000.000 đồng, tiền lãi 45.225.700 đồng) và còn phải tiếp tục chịu tiền lãi đối với số tiền gốc còn thiếu với mức lãi suất theo hợp đồng tín dụng số 7503LAV201401706 ngày 15/4/2014 đã ký kết với Ngân hàng kể từ ngày 23/4/2025 cho đến khi thanh toán nợ xong.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ và bà N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $81.225.700 \times 5\% = 4.061.285$ đồng. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N2 về việc yêu cầu bà Dư Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ thanh toán tiền vay và tiền lãi.

Buộc bà Dư Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng N2 – chi nhánh huyện U tổng số tiền 81.225.700 (tám mươi một triệu, hai trăm hai mươi lăm ngàn, bảy trăm) đồng (trong đó nợ gốc là 36.000.000 đồng, lãi đến ngày 22/4/2025 là 45.225.700 đồng).

Ông Đ và bà N1 còn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi tương ứng với số tiền gốc chưa thanh toán từ ngày 23/4/2025 mức lãi suất theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7503LAV201401706 ngày 15/4/2014 cho đến khi thanh toán nợ xong.

- Về án phí: Buộc bà Dư Thị N1 và ông Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 4.061.285 (bốn triệu, không trăm sáu mươi một ngàn, hai trăm tám mươi lăm) đồng.

Hoàn trả Ngân hàng N2 – Chi nhánh huyện U tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.976.000 (Một triệu, chín trăm bảy mươi sáu ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006846 ngày 21/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh C.

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Hằng